

CÔNG TY TNHH LEONA GALAXY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LEONA GALAXY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LEONA GALAXY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LEONA GALAXY CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110059895

3. Ngày thành lập: 13/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 9, số 47 đường Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02477708777

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669

15.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
16.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
17.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
18.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
19.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
20.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
21.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
22.	Lập trình máy vi tính	6201
23.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
24.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. Cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử Thiết lập website thương mại điện tử bán hàng Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử Dịch vụ phần mềm	6209
25.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp. - Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web.... - Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,..) cho khách hàng.	6311
26.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
27.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6810

29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn bất động sản (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
30.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
31.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
33.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
34.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
35.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
36.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
37.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
38.	Cho thuê xe có động cơ	7710
39.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh thực phẩm chức năng)	4722
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
47.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm)	2011
48.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
49.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
50.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021

51.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
52.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
53.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các chất phụ gia, dung môi;	2029
54.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
55.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
57.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
58.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
59.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không bao gồm sản xuất vàng miếng)	2420
60.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
61.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
62.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
63.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
64.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
65.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
66.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn (trừ sản xuất sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
67.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
68.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
69.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
70.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
71.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
72.	Sản xuất đồng hồ	2652
73.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
74.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
75.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
76.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
77.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
78.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
79.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
80.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
81.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

82.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
83.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
84.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
85.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
86.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
87.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
88.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
89.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
90.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
91.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
92.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
93.	Sản xuất máy luyện kim	2823
94.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
95.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
96.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
97.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
98.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đấu giá)	4774
99.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
100.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
101.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
102.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ;	4784
103.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
104.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4789
105.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791

106.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (trừ hoạt động đấu giá)	4799
107.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
108.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
109.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
112.	Bốc xếp hàng hóa	5224
113.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
114.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay (trừ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
115.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
116.	Cơ sở lưu trú khác	5590
117.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
118.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
119.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. Cung cấp suất ăn công nghiệp.	5629

120.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);	5630
121.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820
122.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
123.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
124.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu;	7730
125.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (loại trừ hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
126.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
127.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
128.	Đại lý du lịch	7911
129.	Điều hành tua du lịch	7912
130.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990(Chính)
131.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
132.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
133.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
134.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250

135.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất trang thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn), + Sản xuất mặt nạ khí ga. - Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... - Sản xuất bàn chải giày, quần áo; - Sản xuất bút và bút chì các loại bằng cơ khí hoặc không; - Sản xuất lõi bút chì; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem rập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực in và ribbon máy tính; - Sản xuất găng tay; - Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; - Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; - Sản xuất tẩu hút xì gà; - Sản xuất các sản phẩm cho con người: Tẩu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, mi giả, bút kẻ lông mày; - Sản xuất các sản phẩm khác: Nền, dây nền và các thứ tương tự; hoa giả, vòng hoa, giỏ hoa, hoa nhân tạo, lá quả, sàng, sây, manơ canh... - Hoạt động nhồi bông thú, - Sản xuất bạt, vải bạt	3290
136.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
137.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
138.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
139.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
140.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
141.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
142.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
143.	Xây dựng nhà để ở	4101
144.	Xây dựng nhà không để ở	4102
145.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
146.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
147.	Xây dựng công trình điện	4221
148.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
149.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
150.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
151.	Xây dựng công trình thủy	4291
152.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

153.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
154.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (không bao gồm chia tách với cải tạo đất)	4299
155.	Phá dỡ (trừ hoạt động dò, nổ mìn)	4311
156.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động dò, nổ mìn)	4312
157.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
158.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
159.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
160.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Vải; - Len, sợi; - Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu; - Hàng dệt khác; - Đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...	4751
161.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, màu, véc ni, kính xây dựng, gạch, xi măng, vải bạt, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
162.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
163.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; - Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác	4759
164.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
165.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

166.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
167.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
168.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
169.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
170.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên do; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán lẻ máy móc, thiết bị y tế; Bán lẻ cao su, mặt hàng nhựa, hạt nhựa, chất dẻo, vật tư phục vụ ngành nhựa; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh vàng; kinh doanh súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; kinh doanh tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ANH TUẤN	Việt Nam	Nhà số 22, đường 2, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.000.000.000	50,000	001082054643	
2	HÀ THỊ THÚY VÂN	Việt Nam	Số 2 ngách 612/34 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.000.000.000	50,000	010182004583	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 22/04/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001082054643

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Nhà số 22, đường 2, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Nhà số 22, đường 2, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội